

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày: 23.01.2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Xuân.

Ông K Văn Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Cẩn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn D (tên gọi khác: Cung); sinh ngày 15 tháng 10 năm 1991 tại Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lê Sanh, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị Phiên, sinh năm: 1963; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 người con. Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My tỉnh Q Nam xử phạt 09 tháng tù (bản án số: 01/2018/HSST); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Q; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1986, tại Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cẩm Toại Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn Cẩm Toại Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đốc, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Hiền, sinh năm 1963; họ và tên vợ: Võ Thị Ngọc Thu, sinh năm 1987 (trú tại: Thôn Cẩm Toại Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng); bị cáo có 02 (hai) người con, con đầu sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/5/2012 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù giam (ngày 23 tháng 01 năm 2014 được Công an thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù); ngày 27/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù (bản án số: 77/2017/HSST ngày 27/12/2017); ngày 16/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù (bản án số: 01/2018/HSST); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 23/6/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn S; sinh ngày 08 tháng 10 năm 1996, tại Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lê Sanh, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Phiến, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Minh V (tên gọi khác: Nhỏ); Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1987, tại Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hóa, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Hương, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Sử Thị Phước Hiệp, sinh năm 1987; Bị cáo có ba người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1. Hồ Văn Ch; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn 01 xã Trà Vinh huyện Nam Trà My tỉnh Q Nam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hôih S; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn Aliêng, xã Ating, huyện Đông Giang, tỉnh Q Nam; vắng mặt, không có lý do.

3. Nguyễn Văn K; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn 4 xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Q Nam; vắng mặt, không có lý do.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ngô Thị Th; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Phường Xuân Hòa, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt, không có lý do.

2. Phan Văn T; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt, không có lý do.

3. Lý Văn S; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 15/6/2017, Nguyễn D (sinh ngày 15/10/1991; trú tại thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng) rủ Đặng Q (sinh ngày 07/10/1986; trú tại thôn Cẩm Toại Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng) đi lên thôn 1, xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Q Nam để thăm con của D. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, trên đường về, cả hai phát hiện có 01 chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius (biển kiểm soát 92S3-1019, do ông Hồ Văn Ch; sinh ngày 03/8/1985; HKTT: Thôn 1, Trà Vinh, Nam Trà My làm chủ sở hữu) để bên trong trại để xe của người dân ở ven đường thuộc thôn 1, xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp đem về Đà Nẵng bán kiếm tiền tiêu xài, nên cả hai bị cáo tiến hành trộm cắp chiếc xe nói trên.

Khi về đến thành phố Đà Nẵng (tại phòng trọ của bạn gái D tên là Ngô Thị Th ở phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng), D, Q điện thoại hỏi Nguyễn S (sinh năm: 1996, trú tại thôn Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, là em ruột D) có mua xe không và sau đó nhờ S bán giúp xe (vừa trộm cắp nói trên). Mặc dù biết là xe trộm cắp nhưng S vẫn đem xe đến bán cho Nguyễn Minh V (sinh 1987, thường gọi là Nhỏ, trú cùng thôn với S). Mặc dù V biết là xe trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 2.500.000đ (đưa trước 2.000.000đ). Sau đó, S giao tiền lại cho D và Q. D, Q chia nhau mỗi người 1.000.000đ tiêu xài. S không nhận tiền công, chỉ bán giúp.

Trong quá trình điều tra, bị can Nguyễn D, Đặng Q còn khai nhận đã cùng nhau thực hiện hai lần trộm cắp xe mô tô tại địa bàn huyện Đông Giang như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 09/6/2017, trên đường đi lên huyện Đông Giang theo đường QL14G, tại địa phận thôn ALiêng, xã ATing, huyện Đông Giang thì Q nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô Sirius, màu đỏ - đen, BKS 92T1-003.23 của ông Hóih S (sinh năm 1979, trú tại thôn ALiêng, xã ATing, huyện Đông Giang, Q Nam) dựng trên hiên nhà, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa. Thấy vậy, Q nảy sinh ý định và rủ D trộm cắp chiếc xe này. Sau đó, D, Q đã tiến hành trộm cắp chiếc xe này, vứt bỏ biển kiểm soát và

thay bằng biển kiểm soát khác và đem về gửi tại nhà của bạn gái D là Nguyễn Thị Th. Sau đó, Qua sự giới Thệu của T, D đã bán chiếc xe này cho Lý Văn S (sinh ngày 14/10/1984, trú tại Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành S, Đà Nẵng) với giá 3.000.000 đồng. D và Q chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng thì cùng nhau tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Để có tiền tiêu xài, D rủ Q lên huyện Đông Giang để trộm cắp xe máy. Vào ngày 19/6/2017, D, Q chở nhau trên xe máy nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 43S7 – 4875 lên huyện Đông Giang. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, D và Q đến địa phận thôn 4, xã Ba, huyện Đông Giang thì nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm sát 92T1-006.22 của ông Nguyễn Văn K (sinh năm 1992, trú tại thôn 4, xã Ba, huyện Đông Giang, Q Nam) dựng bên phải lề đường quốc lộ 14G và cả hai tiến hành trộm cắp chiếc xe này. Sau đó cả hai tháo tấm biển kiểm soát 92T1-006.22 vứt bỏ và đem xe gửi trong nhà của Ngô Thị Th – Bạn gái D.

Ngoài ra, các bị cáo D, Q còn khai nhận trộm cắp một xe máy tại huyện Bắc Trà My; riêng Q còn trộm một xe máy tại thành phố Đà Nẵng. Hành vi của các bị cáo đã được tách ra xử lý bằng một vụ án khác.

Kết quả định giá xác định giá trị xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 92T1-003.23 có giá trị 8.250.660 đồng. Xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 92T1-006.22 có giá trị 9.532.640 đồng và xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 92S3 -1019 có giá trị: 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*). (BL: 37; 40). Như vậy, tổng giá trị của 03 chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp là 27.283.300đ (hai mươi bảy triệu, hai trăm tám ba ngàn ba trăm đồng).

Những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai của những người bị hại có trong hồ sơ vụ án thể hiện họ đã nhận lại T sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì. Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện họ không có yêu cầu đề nghị gì. Riêng người bị hại ông Hồ Văn Ch, tại phiên tòa đã yêu cầu bị cáo D và Q bồi thường 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền dự định sẽ sửa lại chiếc xe máy do bị cáo D, Q trong quá trình trộm cắp làm hư hỏng.

Bản cáo trạng số: 08/CTr – VKS ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My tỉnh Q Nam truy tố các bị cáo Đặng Q, Nguyễn D về tội Trộm cắp T sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009; truy tố các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn Minh V về tội: “*Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa cùng với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ yếu tố xác định các bị cáo D, Q phạm tội “Trộm cắp T sản”, các bị cáo S, V phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo D, Q về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009, các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn Minh V về tội: “*Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà*

có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 2 Điều 138, Điều 50 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo D từ 24 đến 30 tháng tù; áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm a khoản 2 Điều 138, Điều 50 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Q từ 24 đến 30 tháng tù; áp dụng điểm g,p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 250, Điều 60 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo V từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, xử phạt bị cáo S từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về vật chứng vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 trả lại xe máy cho những người bị hại (Hồih S, Hồ Văn Ch và Nguyễn Văn K); tịch thu sung công quỹ nhà nước xe Wave, biển kiểm soát 43S7 – 4875; tịch thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Q 2.000.000đ, tịch thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo D 2.000.000đ; căn cứ điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 92H1- 28069.

Về trách nhiệm dân sự căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự 2015 buộc các bị cáo D, Q liên đới nộp sung công quỹ Nhà nước 1.000.000đ (số tiền các bị cáo đã tiêu xài chung từ việc bán xe trộm cắp); đề nghị tách yêu cầu bồi thường Thệt hại của ông Hồ Văn Ch để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn D và Đặng Q là những người cùng nhau thực hiện việc trộm cắp xe máy của các bị hại (Hồ Văn Ch, Hồih S, Nguyễn Văn K) với tổng giá trị Thệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 27.283.300đ (hai mươi bảy triệu, hai

trăm tám ba ngàn ba trăm đồng). Tuy các bị cáo không có bàn bạc trước về phương thức, thủ đoạn phạm tội. Nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo có sự phân công công việc cụ thể (người đứng canh, người thực hiện việc trộm cắp). Hơn nữa về mặt ý chí, các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội cùng nhau, nên các bị cáo đã ngầm hiểu với nhau, khi thực hiện hành vi trộm cắp cần phải làm gì. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, các bị cáo D, Q phạm tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009, như theo truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội, đúng pháp luật; đối với các bị cáo Nguyễn S và Nguyễn Minh V mặt dù biết chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 92S3-1019 là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiến hành giao dịch mua bán. Do đó, các bị cáo V, S phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như theo truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thấy:

Cả hai bị cáo Đặng Q và Nguyễn D là người trực tiếp tổ chức, thực hiện hành vi trộm cắp xe máy tại huyện Nam Trà My và huyện Đông Giang, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu T sản của người khác, gây mất an ninh trật tự. Do vậy, cả hai bị cáo cùng chịu hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Cả hai bị cáo Nguyễn S và Nguyễn Minh V mặt dù biết là T sản trộm cắp nhưng vẫn cố tình thực hiện việc mua bán, coi thường pháp luật, tiếp tay cho tội phạm. Do vậy, các bị cáo phải nhận lấy hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Đối với bị cáo Đặng Q: Bị cáo phạm tội nhiều lần (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999), bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo (điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999), bị cáo đầu thú (khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999), do vậy trong quá trình lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn D: Bị cáo phạm tội nhiều lần (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999), bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo (điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999), do vậy trong quá trình lượng hình cần xem xét giảm

nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn S và Nguyễn Minh V: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo (điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999), các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999). Xét thấy không cần Thết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo S, V từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt tù (nhưng cho hưởng án treo) đối với các bị cáo V, S là không cần Thết. Cần xử các bị cáo V, S một hình phạt nhẹ hơn (hình phạt “Cải tạo không giam giữ”) là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này. Xét thấy, các bị cáo S, V không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên quyết định miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án cho các bị cáo.

Đối với đề nghị áp dụng điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo liên đới nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ (tiền do các bị cáo D, Q có được từ việc bán xe trộm cắp và cùng nhau tiêu xài). Hội đồng xét xử thấy, đây là tiền do các bị cáo do thu lợi bất chính mà có, do đó cần áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý mới đúng quy định của pháp luật.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, những người liên quan (Phan Văn T, Lý Văn S, Ngô Thị Th) khi thực hiện việc mua xe, cũng như việc cho D, Q gửi nhờ xe. Những người này không biết là xe do trộm cắp mà có, nên việc Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm hình sự đối với họ là đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trà My đã tiến hành thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu S đỏ, biển kiểm soát 43S7-4875, số khung: RLHHC12109Y137685, số máy: HC12E1338578. Đây là chiếc xe mà D, Q sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua truy tìm, cơ quan điều tra đã không xác định được và không tìm thấy chủ sở hữu của chiếc xe này. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Biên kiểm soát xe mô tô số 92H1- 28069 Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trà My thu giữ từ bị cáo V. Xét thấy, đây là công cụ trong vụ án, không còn giá trị sử dụng; trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không chứng minh được chủ sở hữu. Do vậy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng khác có trong hồ sơ vụ án (01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu S đỏ - đen, (biên kiểm soát theo giấy đăng ký là: 92 S3-1019), tại thời điểm hiện tại không có biên kiểm soát, số khung: RLCS-5C-640-AY-298.008, số máy: 5C-642.980.06; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, không có biên kiểm soát, số máy: 5C63510702, số khung: RLCS5.C630.BY.510.651; 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, không có biên kiểm soát, số máy: 5C64674715, số khung: RLCS5.C640.BY.674.698), Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 5.000.000đ bị cáo D, Q có được từ việc bán xe máy trộm cắp (các bị cáo chia nhau mỗi người 2.000.000đ, cùng nhau tiêu xài 1.000.000đ) là số tiền thu lợi bất chính từ việc trộm cắp, do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Do đó, cần tịch thu từ bị cáo D 2.500.000đ, bị cáo Q 2.500.000đ để sung công quỹ nhà nước là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về vấn đề dân sự trong vụ án: Tại phiên tòa người bị hại Hồ Văn Ch yêu cầu bị cáo D và bị cáo Q bồi thường tiền dự kiến sửa chữa xe do bị hư hỏng cho mình với số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Ch đưa ra yêu cầu bồi thường Thệt hại là dự tính tiền sẽ sửa chữa xe máy. Ông Ch chưa xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường Thệt hại của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết. Ông Ch có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường Thệt hại bằng một vụ án dân sự khác.

Về vấn đề án phí, lệ phí tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Q và Nguyễn D (tên gọi khác: Cung) phạm tội “Trộm cắp T sản”; các bị cáo: Nguyễn S và Nguyễn Minh V (tên gọi khác Nhỏ) phạm tội “ Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung

năm 2009. Xử bị cáo Đặng Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử bị cáo Nguyễn D (tên gọi khác: Cung) 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 22/6/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250, điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử bị cáo Nguyễn S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn S cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo S chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo S trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, nơi bị cáo S cư trú nhận được quyết định Th hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250, điểm p, h khoản 1 Điều 46, điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử bị cáo Nguyễn Minh V (tên gọi khác: Nhỏ) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Minh V cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo V chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo V có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo V trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nơi bị cáo V cư trú nhận được quyết định Th hành án.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Th hành án hình sự.

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu S đỏ, biển kiểm soát 43S7- 4875, số khung: RLHHC12109Y137685, số máy: HC12E1338578.

-Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Biển kiểm soát xe mô tô số 92H1- 28069

- Truy thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Nguyễn D số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); truy thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Q số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Căn cứ điều 135, 136; nghị quyết 326/UBTVQH14 tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo.
- Những người bị hại.
- Những người liên quan vụ án.
- Phòng GD – KT TAND tỉnh Q.nam.
- VKSND huyện Nam Trà My.
- CA huyện Nam Trà My.
- Chi cục THA huyện Nam Trà My.
- Sở tư pháp tỉnh Q Nam.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn Minh